

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU PVCOM

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

(đã được soát xét)



QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU PVCOM

Tầng 9, Tòa nhà Hapro, Số 11B, Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Đại diện Quỹ	02-03
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ	04-08
Báo cáo của Ngân hàng giám sát	09
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	10-11
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	12-36
Báo cáo thu nhập giữa niên độ	12
Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ	13-14
Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ	15
Báo cáo danh mục đầu tư giữa niên độ	16
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	17
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	18-36

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU PVCOM

Tầng 9, Tòa nhà Hapro, Số 11B, Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Ban Đại diện Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVCOM (sau đây gọi tắt là "Quỹ") trình bày Báo cáo này và phê duyệt báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 06 năm 2024.

QUỸ

Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVCOM được thành lập ngày 07 tháng 02 năm 2020 dưới hình thức Quỹ mở theo Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 29 tháng 11 năm 2019 và các văn bản pháp luật có liên quan. Quỹ được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký đại chúng số 41/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCK") cấp ngày 07 tháng 02 năm 2020. Theo đó, Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ tại: Tầng 9, Tòa nhà Hapro, Số 11B, Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVCOM được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam (sau đây được gọi tắt là "Công ty Quản lý Quỹ"). Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 23/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 14 tháng 12 năm 2007 và Giấy phép sửa đổi gần nhất số 19/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán cấp ngày 22 tháng 02 năm 2023 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0102574966 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 25 tháng 12 năm 2007, thay đổi lần thứ 03 ngày 06 tháng 02 năm 2023.

Công ty Quản lý Quỹ được sở hữu 99,97% bởi Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam ("Ngân hàng Mẹ"), một ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Các hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty Quản lý Quỹ bao gồm: quản lý danh mục đầu tư, quản lý quỹ và cung cấp các dịch vụ tư vấn đầu tư chứng khoán theo các quy định của pháp luật.

Công ty Quản lý Quỹ có Trụ sở chính tại: Tầng 9, Tòa nhà Hapro, Số 11B, Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý Quỹ trong năm và tại ngày lập báo cáo này là Ông Trần Quang Vinh - chức danh Giám đốc

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619-073 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12/09/2003 thay đổi lần thứ 12 ngày 16/06/2020 và Giấy phép hoạt động lưu ký chứng khoán số 510/QĐ-ĐKHĐLK ngày 01/08/2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Quyền và nghĩa vụ của ngân hàng giám sát được quy định tại Điều lệ Quỹ và pháp luật liên quan.

BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Các thành viên của Ban đại diện Quỹ trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Kiều Phương Khoan	Chủ tịch - Thành viên độc lập
Ông Phạm Thiên Quang	Thành viên độc lập
Bà Trần Thị Thanh Huyền	Thành viên độc lập
Ông Nguyễn Việt Hà	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Quỹ.

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU PVCOM

Tầng 9, Tòa nhà Hapro, Số 11B, Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, danh mục đầu tư, kết quả hoạt động, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Công ty Quản lý Quỹ được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Quỹ có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng đối với Công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Quỹ sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Quỹ, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Quỹ và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2024, cũng như kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với Quỹ mở và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

CAM KẾT KHÁC

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cam kết rằng Quỹ tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính Phủ ngày 31 tháng 12 năm 2020 hướng dẫn về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Theo đó, chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm, trên cơ sở cam kết của Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ. Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVCOM tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, cũng như kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với Quỹ mở và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ mở.

Thay mặt Ban Đại diện Quỹ



Kiều Phương Khoan
Chủ tịch

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2024

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

1 . THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ

1.1 . Thông tin về Quỹ

Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVCOM (PVBF)

Loại hình Quỹ: Quỹ mở

1.2 . Mục tiêu đầu tư

Quỹ hướng tới mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận đồng thời bảo toàn vốn cho Nhà đầu tư thông qua việc đầu tư chủ yếu vào các trái phiếu doanh nghiệp, tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi của các tổ chức tín dụng và một phần vào các tài sản khác với mục đích phân tán rủi ro đầu tư và mang lại lợi nhuận dài hạn ổn định cho các nhà đầu tư. Trong trường hợp môi trường đầu tư tạm thời không phù hợp với các tài sản cố định nêu trên hoặc nhiều trường hợp khác biệt khác việc xem xét đầu tư sẽ do Đại hội Nhà đầu tư hoặc Ban đại diện Quỹ xem xét quyết định phù hợp với thẩm quyền được Quy định trong Điều lệ Quỹ và các quy định khác của pháp luật.

1.3 . Thời gian hoạt động của Quỹ

Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động

1.4 . Danh mục tham chiếu (benchmark portfolio)

Không có

1.5 . Chính sách phân chia lợi nhuận

Công ty Quản lý Quỹ được phân chia lợi nhuận của Quỹ cho nhà đầu tư theo quy định tại Điều lệ Quỹ và chính sách phân chia lợi nhuận đã được công bố tại bản cáo bạch. Lợi nhuận phân chia được trích từ nguồn lợi nhuận để lại hoặc từ thu nhập của Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ chỉ được phân chia lợi nhuận khi Quỹ đã hoàn thành hoặc có đủ năng lực tài chính để hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập đầy đủ các quỹ theo quy định; ngay sau khi trả hết số lợi nhuận đã định Quỹ vẫn phải đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn. Lịch trình và kế hoạch thực hiện phải được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ.

1.6 . Số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào quỹ là 58.384.145.200 VND tương đương với 5.838.414,52 chứng chỉ quỹ.

1.7 . Các nội dung thay đổi tại Điều lệ Quỹ trong năm

Trong kỳ, Quỹ đã thực hiện sửa đổi Điều lệ Quỹ với các nội dung thay đổi như sau:

- Cập nhật các văn bản pháp luật hiện hành, sửa đổi và điều chỉnh theo Luật hiện hành quy định
- Điều chỉnh thông tin tần suất ngày giao dịch của Quỹ từ 02 lần/tuần lên 03 lần/tuần.

1.8 . Nội dung Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư trong kỳ báo cáo

Theo Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư thường niên năm 2024 số 01/2024/NQĐH - PVBF ngày 26/04/2024, các nội dung được thông qua như sau:

- Báo cáo kết quả hoạt động năm 2023 và Kế hoạch hoạt động năm 2024 của Quỹ PVBF;
- Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán của Quỹ PVBF;
- Phương án không phân phối lợi nhuận năm 2023 của Quỹ PVBF;
- Thông qua việc tăng tần suất giao dịch của Quỹ PVBF và ủy quyền cho Công ty Quản lý Quỹ PVCB Capital thực hiện tăng tần suất giao dịch của Quỹ PVBF và sửa đổi nội dung trong Điều lệ Quỹ phù hợp với pháp luật hiện hành;
- Ủy quyền cho Công ty Quản lý Quỹ PVCB Capital lựa chọn, phê duyệt đơn vị kiểm toán cho các Báo cáo tài chính của Quỹ PVBF trong năm tài chính 2024.

1.9 . Ý kiến nhận xét của Ngân hàng giám sát

Công ty Quản lý Quỹ đã đáp ứng đúng các quy định tại Thông tư hướng dẫn thành lập và quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán.

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU PVCOM

Tầng 9, Tòa nhà Hapro, Số 11B, Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

2 . BÁO CÁO VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

2.1 . Danh mục đầu tư và giá trị tài sản ròng của Quỹ tại thời điểm 30/06/2024

- Tỷ lệ danh mục đầu tư của Quỹ

Danh mục đầu tư	30/06/2024	30/06/2023	30/06/2022
Trái phiếu	68,80%	60,41%	54,54%
Cổ phiếu	-	-	-
Chứng chỉ tiền gửi	12,07%	20,34%	30,05%
Hợp đồng tiền gửi	-	9,57%	2,97%
Tài sản khác	19,13%	9,68%	12,44%
Tổng tài sản	100,00%	100,00%	100,00%

- Các chỉ tiêu về giá trị tài sản ròng (NAV) và Giá trị ròng trên một đơn vị quỹ:

Nội dung	30/06/2024	30/06/2023	30/06/2022
Giá trị tài sản ròng (VND)	82.465.553.593	82.796.407.351	92.218.698.711
Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ (VND/CCQ)	14.124,64	12.770,94	11.880,62
Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành trong kỳ báo cáo	5.838.414,52	6.483.188,10	7.762.107,87
Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ cao nhất trong kỳ báo cáo (VND/CCQ)	15.111,63	12.770,94	11.927,83
Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ thấp nhất trong kỳ báo cáo (VND/CCQ)	13.016,84	12.308,07	11.526,22

- Tổng lợi nhuận của Quỹ: (đơn vị: VNĐ)

Nội dung	30/06/2024	30/06/2023	30/06/2022
(1) Thu nhập ròng từ hoạt động đầu tư trong đó: (1.1+1.2+1.3)	2.588.769.260	4.133.198.459	3.779.610.112
1.1 Cổ tức, trái tức được nhận từ trái phiếu	2.240.171.711	4.580.904.230	2.805.663.958
1.2 Lãi được nhận từ CCTG và HĐTG	980.539.455	255.440.773	1.696.997.453
1.3 Chi phí	(631.941.906)	(703.146.544)	(723.051.299)
2. Lãi (lỗ) từ hoạt động đầu tư	1.163.415.695	(463.735.847)	(473.828.948)
3. Tổng lợi nhuận của Quỹ trước thuế	3.752.184.955	3.669.462.612	3.305.781.164

- Lợi nhuận đã phân phối trên một đơn vị quỹ (giá trị thuần và giá trị gộp) trong kỳ: Không có;

- Thời điểm phân chia lợi nhuận : Không có;

- Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trước và sau thời điểm phân chia lợi nhuận: Không có;

- Các chỉ tiêu về Tỷ lệ chi phí hoạt động, tốc độ vòng quay danh mục của quỹ và thuyết minh về việc chênh lệch (nếu có);

Chỉ tiêu	30/06/2024	30/06/2023	30/06/2022
Tỷ lệ chi phí hoạt động	1,62%	1,39%	1,31%
Tốc độ vòng quay danh mục	21,42%	84,70%	28,99%

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU PVCOM

Tầng 9, Tòa nhà Hapro, Số 11B, Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

2.2 . Chỉ tiêu về lợi nhuận của Quỹ

Tổng lợi nhuận bình quân năm của Quỹ phát sinh trong thời hạn 36 tháng:

Chỉ tiêu	30/06/2024	30/06/2023	30/06/2022
Lợi nhuận bình quân	3.752.184.955	3.669.462.612	3.305.781.164

2.3 . Các chỉ tiêu so sánh khác bảo đảm nguyên tắc tuân thủ

- Phương thức, nguyên tắc xác định giá trị tài sản, giá trị lợi nhuận là thống nhất đã được công bố và được thẩm định bởi một tổ chức độc lập khác: Phương pháp giá trị tài sản được quy định trong sổ tay định giá được lập bởi Công ty Quản lý Quỹ và được rà soát bởi Ngân hàng Giám sát BIDV - Chi nhánh Hà Thành.

- Dữ liệu được cung cấp bởi một tổ chức độc lập: Giá chứng khoán được cung cấp bởi các cơ quan và tổ chức uy tín trên thị trường như Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

2.4 . Các khuyến cáo cho nhà đầu tư

Báo cáo đã nêu rõ khuyến cáo rằng các thông tin về kết quả hoạt động của quỹ trước đây chỉ mang tính tham khảo và không có nghĩa là việc đầu tư sẽ bảo đảm khả năng sinh lời cho nhà đầu tư.

3 . BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ TÀI SẢN CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Báo cáo về hoạt động quản lý tài sản của Công ty Quản lý Quỹ bao gồm các nội dung sau:

3.1 . Thuyết minh về việc thay đổi Công ty Quản lý Quỹ:

Trong kỳ Quỹ không có việc thay đổi Công ty Quản lý Quỹ

3.2 . Thuyết minh về việc Quỹ có đạt được mục tiêu đầu tư

Trong giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024, Quỹ đã ghi nhận mức tăng trưởng 4,8%, tương đương với mức tăng trưởng quy đổi năm là 9,58%/năm.

3.3 . So sánh kết quả lợi nhuận của Quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong cùng kỳ báo cáo (bằng đồ thị)

Quỹ không có danh mục tham chiếu nên không thực hiện nội dung này.

3.4 . Chiến lược, chiến thuật đầu tư mà quỹ đã sử dụng trong kỳ báo cáo

Hoạt động đầu tư của Quỹ được thực hiện theo nguyên tắc thận trọng tập trung đầu tư vào các tài sản an toàn nhưng có lợi suất cố định tốt như chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu niêm yết và Hợp đồng tiền gửi. Công ty Quản lý Quỹ cũng nghiên cứu đánh giá các biến động của thị trường lãi suất, cũng như mức rủi ro tiềm ẩn của mỗi loại tài sản đầu tư để quyết định phân bổ tỷ trọng đầu tư phù hợp với mục tiêu của quỹ và các hạn chế theo luật chứng khoán liên quan;

3.5 . Đánh giá biến động của thị trường trong kỳ báo cáo

Đánh giá biến động của các thị trường trong kỳ báo cáo, kể cả thị trường nước ngoài, mà quỹ đầu tư vào, thông tin về lợi nhuận đầu tư đối với từng loại tài sản: Cổ phiếu, cổ phiếu blue-chip, cổ phiếu các công ty có mức vốn hóa thấp (small-cap);

Kinh tế vĩ mô

Trong bối cảnh kinh tế thế giới và trong nước còn nhiều khó khăn, bất định. nỗ lực của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương trong nắm bắt tình hình, chủ động đưa ra các giải pháp ứng phó, linh hoạt, kịp thời, trọng tâm, trọng điểm trước các vấn đề phát sinh, điều hành tỷ giá hối đoái phù hợp; với sự đồng hành, phối hợp chặt chẽ của Quốc hội; đặc biệt, với sự năng động vượt khó của cộng đồng doanh nghiệp và các hộ kinh doanh là những yếu tố cơ bản dẫn tới kinh tế nước ta 6 tháng đầu năm 2024 phục hồi tích cực qua từng tháng trên hầu hết các lĩnh vực.

Trong 6 tháng đầu năm 2024, nền kinh tế ghi nhận tốc độ tăng trưởng GDP đạt 6,42% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,38%, đóng góp 5,96%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 7,51%, đóng góp 44,28%; khu vực dịch vụ tăng 6,64%, đóng góp 49,76%. Như vậy, khu vực dịch vụ là điểm sáng của nền kinh tế khi đóng góp chính vào tăng trưởng GDP của Việt Nam trong 6 tháng đầu năm nhờ nhu cầu nội địa tăng và khách quốc tế đến Việt Nam phục hồi mạnh mẽ.

Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu 6 tháng đầu năm 2024 ước đạt gần 368,53 tỷ USD, tăng 15,7% so với cùng kỳ năm trước; đáng chú ý, trong 6 tháng đầu năm nay, kim ngạch xuất khẩu bình quân đạt 31,68 tỷ USD/tháng.

Trong 6 tháng đầu năm 2024 có 119.612 doanh nghiệp gia nhập thị trường, có 110.316 doanh nghiệp rút khỏi thị trường. Bình quân một tháng trong 6 tháng đầu năm cả nước có 19.935 doanh nghiệp gia nhập thị trường, đồng thời cũng có 18.386 doanh nghiệp rút khỏi thị trường.

Chỉ số giá tiêu dùng tháng 6/2024 tăng 0,17% so với tháng trước, tăng 1,4% so với tháng 12/2023, tăng 4,34% so với cùng kỳ năm trước, lạm phát bình quân 6 tháng đầu năm 2024 được kiểm soát ở mức 4,08%; thúc đẩy tăng trưởng cả 3 khu vực; các cân đối lớn được bảo đảm, tạo cơ sở và niềm tin thực hiện thành công các mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội cả năm 2024 đã được Quốc hội thông qua.

Thị trường tiền tệ

Trong 6 tháng đầu năm 2024, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tiếp tục giữ nguyên các mức lãi suất điều hành nhằm tạo điều kiện cho TCTD tiếp cận nguồn vốn với chi phí thấp, điều hành hài hòa giữa lãi suất và tỷ giá phù hợp với tình hình thị trường, diễn biến kinh tế vĩ mô và mục tiêu chính sách tiền tệ; đồng thời chỉ đạo TCTD tiếp tục tiết giảm chi phí để giảm mặt bằng lãi suất cho vay.

Tính đến thời điểm tháng 06 năm 2024, lãi suất tiền gửi bình quân bằng đồng Việt Nam của ngân hàng thương mại (NHTM) trong nước ở mức 0,2%/năm đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 1 tháng; 1,9%-2,8%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng; 4,8%-5,2%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến 12 tháng; 6%-6,9%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ trên 12 tháng đến 24 tháng và 6,9%-7,4%/năm đối với kỳ hạn trên 24 tháng.

Về thị trường chứng khoán ("TTCK"), nhằm duy trì sức hấp dẫn của TTCK với các nhà đầu tư và tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong huy động vốn cho doanh nghiệp niêm yết, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã kịp thời đưa ra các giải pháp để hỗ trợ thị trường phát triển bền vững, tăng khả năng chống chịu trước các biến động. Trong quý II/2024, TTCK đã có những khởi sắc nhất định.

Theo số liệu được công bố, tính đến cuối tháng 6/2024, chỉ số VN-Index đạt 1.245,32 điểm, tăng 10,2% so với cuối năm trước. Giá trị giao dịch bình quân phiên trên toàn thị trường cổ phiếu (HOSE, HNX, UPCOM) trong 6 tháng đạt 24.598 tỷ đồng/phiên, tăng 39,9% so với bình quân năm trước. Mức vốn hóa thị trường cổ phiếu tại ngày 28/6/2024 đạt hơn 7.066 nghìn tỷ đồng, tăng 19% so với cuối năm trước; tương đương 69,1% GDP ước tính năm 2023.

Trong 06 tháng đầu năm 2024, thị trường trái phiếu doanh nghiệp duy trì ổn định. Tính đến cuối tháng 6/2024, có 1.097 mã trái phiếu của 293 doanh nghiệp với giá trị đăng ký giao dịch đạt khoảng 784,3 nghìn tỷ đồng. Trong nửa đầu năm, có 41 doanh nghiệp đã phát hành trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ với khối lượng 110,2 nghìn tỷ đồng, trong đó tổ chức tín dụng chiếm 63,2%, doanh nghiệp bất động sản chiếm 28,6%.

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU PVCOM

Tầng 9, Tòa nhà Hapro, Số 11B, Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

3.6 . Thông tin về việc chia, tách đơn vị quỹ trong kỳ

Trong kỳ không có phát sinh việc chia, tách đơn vị quỹ

3.7 . Các trường hợp có ảnh hưởng tới quyền lợi của nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ

Trong kỳ không có các sự kiện ảnh hưởng trọng yếu tới quyền lợi của nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ.

3.8 . Các thông tin khác

Không có

4 . BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG ỦY QUYỀN

4.1 . Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền so với lợi nhuận, thu nhập, tổng chi phí hoạt động của quỹ:

Tổng các chi phí ủy quyền trong giai đoạn tài chính sáu tháng đầu năm 2024	Giá trị
Tổng chi phí ủy quyền trong kỳ (VND)	289.100.000
Tổng chi phí ủy quyền/ Lợi nhuận (%)	7,70%
Tổng chi phí ủy quyền/Thu nhập ròng (%)	11,17%
Tổng chi phí ủy quyền/Tổng chi phí (%)	45,75%

4.2 . Các ảnh hưởng của hoạt động ủy quyền tới lợi nhuận, mức độ rủi ro của Quỹ

Không có

4.3 . Tổng chi phí các hoạt động ủy quyền phải trả cho bên nhận ủy quyền

Tổng chi phí các hoạt động ủy quyền phải trả cho bên nhận ủy quyền (trường hợp bên nhận ủy quyền cung cấp nhiều dịch vụ cho công ty quản lý quỹ): Ngân hàng BIDV - chi nhánh Hà Thành nhận ủy quyền cung cấp dịch vụ lưu ký, giám sát, quản trị quỹ, Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam nhận ủy quyền cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng.

Tổng các chi phí ủy quyền trong giai đoạn tài chính sáu tháng đầu năm 2024	Giá trị (VND)
Phí lưu ký	90.000.000
Phí giám sát	33.000.000
Phí quản trị quỹ	99.000.000
Phí đại lý chuyển nhượng	67.100.000
Tổng cộng	289.100.000

4.4 . Đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ và cơ sở hạ tầng của bên nhận ủy quyền

Theo đánh giá của PVCB Capital, VSD và BIDV – chi nhánh Hà Thành đều là các đơn vị có uy tín, kinh nghiệm trên thị trường, với đội ngũ nhân viên có trình độ chuyên môn cao, tinh chuyên nghiệp trong quá trình cung cấp dịch vụ, có hệ thống phần mềm theo chuẩn quốc tế và các phòng, bộ phận chức năng được thiết lập và hoạt động độc lập. Vì vậy, khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, dự phòng thảm họa và các bên nhận ủy quyền cho quỹ PVBF được đảm bảo hoạt động thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư cũng như công ty quản lý quỹ.

Trên đây là báo cáo tổng kết hoạt động quản lý quỹ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 06 năm 2024 của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam (PVCB Capital).

Trân trọng./.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam *gme*



Trần Quang Vinh

Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2024

BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Chúng tôi là Ngân hàng giám sát của Quỹ Đầu Tư Trái Phiếu PVcom ("Quỹ") cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 06 năm 2024, với sự hiểu biết của chúng tôi thì trong giai đoạn này, Quỹ đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

a) Việc lưu ký tài sản của Quỹ đã tuân thủ theo quy định pháp luật chứng khoán hiện hành, các văn bản pháp luật có liên quan, Điều lệ Quỹ và Bản cáo bạch của Quỹ.

b) Việc tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan:

Tuy nhiên, tại một số kỳ định giá xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ, cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ có phát sinh sai lệch, cụ thể như sau:

Trong kỳ báo cáo, theo ghi nhận của ngân hàng giám sát, do trái phiếu CVT122007 đáo hạn thanh toán gốc lãi ngày 15/02/2024 nên từ ngày 19/02/2024 đến hết ngày 05/03/2024 tỷ lệ đầu tư của quỹ chưa đảm bảo quy định tại khoản 14, điều 02 của thông tư 98/2020/TT-BTC: "Quỹ trái phiếu là quỹ đầu tư vào các loại trái phiếu, công cụ thị trường tiền tệ, tiền gửi có kỳ hạn và các công cụ có thu nhập cố định khác với tỷ trọng đầu tư vào các tài sản này chiếm từ 80% giá trị tài sản ròng trở lên". Từ kỳ định giá ngày 07/03/2024, Công ty Quản lý quỹ đã hoàn thành việc điều chỉnh để đáp ứng các hạn mức đầu tư theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ.

Trong kỳ báo cáo, tại kỳ định giá ngày 24/04/2024 đến hết ngày 06/05/2024, tỷ lệ đầu tư của quỹ chưa đảm bảo quy định tại điểm c Khoản 4, Điều 35 Thông tư 98/2020/TT - BTC: "Không được đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng khoán đang lưu hành và các tài sản (nếu có) của một Tổ chức phát hành, trừ công cụ nợ của Chính phủ". Từ kỳ định giá ngày 07/05/2024, tỷ lệ đầu tư nêu trên đã đảm bảo đáp ứng quy định của pháp luật, điều lệ quỹ và cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ đã được điều chỉnh trong thời hạn theo quy định tại Khoản 6, điều 35, Khoản 7 Điều 24 Thông tư 98/2020/TT - BTC.

c) Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.

d) Việc phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.

e) Trong kỳ, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận cho Nhà đầu tư.

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2024



Nguyễn Mạnh Cường
Phó Giám đốc

NHÂN VIÊN GIÁM SÁT

Vũ Minh Hồng

Số: 120824.026/BCTC.KT2

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Nhà đầu tư và Ban đại diện
Quý Đầu tư Trái phiếu PVCOM

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVCOM được lập ngày 12 tháng 08 năm 2024, từ trang 12 đến trang 36, bao gồm: Báo cáo thu nhập giữa niên độ, Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ, Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ, Báo cáo danh mục đầu tư giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 06 năm 2024 và Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty Quản lý quỹ

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam là Công ty Quản lý quỹ chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với Quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ của quỹ mở và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVCOM tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo về các yêu cầu khác của pháp luật và các quy định

Trong 06 tháng đầu năm 2024, tại một số thời điểm tỷ lệ đầu tư của Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVCOM chưa đảm bảo tuân thủ các hạn chế đầu tư được quy định tại Điều lệ Quỹ và Thông tư 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán. Các kỳ định giá chưa đảm bảo tuân thủ quy định về hạn chế đầu tư đã được Ngân hàng giám sát và Công ty quản lý quỹ PVCB Capital thực hiện thông báo và gửi báo cáo tới Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước để khắc phục. Tính đến thời điểm 30/06/2024, các tỷ lệ đầu tư của Quỹ đã đảm bảo tuân thủ theo quy định và pháp luật hiện hành.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVCOM cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023 đã được kiểm toán và soát xét bởi Kiểm toán viên và Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến kiểm toán và kết luận soát xét chấp nhận toàn phần tại Báo cáo kiểm toán số 12828728/E-66980984 ngày 25/03/2024 và Báo cáo soát xét giữa niên độ số 61603446/22994413-LR ngày 15/08/2023.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Nguyễn Tuấn Anh

Giám đốc kiểm toán

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1369-2023-002-1

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2024

BÁO CÁO THU NHẬP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2024	Từ ngày 01/01/2023
			đến ngày 30/06/2024	đến ngày 30/06/2023
			VND	VND
01	I. THU NHẬP, DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		4.384.126.861	4.372.609.156
03	1.1 Tiền lãi được nhận	10	3.220.711.166	4.836.345.003
04	1.2 Lãi, lỗ bán các khoản đầu tư	11	1.024.342.936	(603.938.400)
05	1.3 Chênh lệch tăng, giảm đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	12	139.072.759	140.202.553
10	II. CHI PHÍ ĐẦU TƯ		27.744.954	16.357.174
11	2.1 Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư		27.744.954	16.357.174
20	III. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỞ	13	604.196.952	686.789.370
20.1	3.1 Phí quản lý quỹ mở		271.618.148	350.611.423
20.2	3.2 Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ mở		90.449.228	90.981.661
20.3	3.3 Phí dịch vụ giám sát		33.000.000	33.000.000
20.4	3.4 Phí dịch vụ quản trị quỹ mở		99.000.000	99.000.000
20.5	3.5 Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng		66.000.000	66.000.000
20.8	3.8 Chi phí kiểm toán		37.929.078	40.910.963
20.10	3.9 Chi phí hoạt động khác		6.200.498	6.285.323
23	IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		3.752.184.955	3.669.462.612
24	V. KẾT QUẢ THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC		-	-
24.1	5.1 Thu nhập khác		-	-
24.2	5.2 Chi phí khác		-	-
30	VI. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		3.752.184.955	3.669.462.612
31	5.1 Lợi nhuận đã thực hiện		3.613.112.196	3.529.260.059
32	5.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		139.072.759	140.202.553
40	VII CHI PHÍ THUẾ TNDN		-	-
41	VIII LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		3.752.184.955	3.669.462.612

Đỗ Thị Kim Cúc

Đỗ Thị Kim Cúc

Người lập

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2024

Đỗ Thị Kim Cúc

Đỗ Thị Kim Cúc

PP. Phụ trách phòng TCKT



Trần Quang Vinh

Trần Quang Vinh

Giám đốc

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2024	01/01/2024
			VND	VND
100	I. TÀI SẢN			
110	1. Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	3	12.797.475.310	4.036.898.536
111	1.1. Tiền gửi ngân hàng		12.797.475.310	4.036.898.536
	1.1.1. Tiền gửi của nhà đầu tư cho hoạt động mua chứng chỉ quỹ/mua lại chứng chỉ quỹ		135.172.823	232.352.136
	1.1.2. Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ mở		12.662.302.487	3.804.546.400
120	2. Các khoản đầu tư thuần	4	67.018.129.442	65.186.184.864
121	2.1. Các khoản đầu tư		67.018.129.442	65.186.184.864
	2.1.1. Cổ phiếu		288.600	242.450
	2.1.2. Trái phiếu		57.017.840.842	42.685.942.414
	2.1.3. Chứng chỉ tiền gửi		10.000.000.000	22.500.000.000
130	3. Các khoản phải thu	5	3.064.563.975	2.710.092.054
133	3.2. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư		3.064.563.975	2.710.092.054
136	3.2.2. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		3.064.563.975	2.710.092.054
100	TỔNG TÀI SẢN		82.880.168.727	71.933.175.454
Mã số	NGUỒN VỐN		30/06/2024	01/01/2024
			VND	VND
300	II. NỢ PHẢI TRẢ			
313	1. Phải trả cho các Đại lý phân phối Chứng chỉ quỹ và Công ty quản lý quỹ		36.725.360	10.467.196
314	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	6	9.903.853	9.270.203
316	3. Chi phí phải trả		42.901.756	81.000.000
317	4. Phải trả cho Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ		130.039.830	227.219.143
318	5. Phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại Chứng chỉ quỹ		5.132.993	5.132.993
319	6. Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ mở	7	189.911.342	1.071.500.157
300	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		414.615.134	1.404.589.692

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
400	III. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NĂM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ MỞ	8	82.465.553.593	70.528.585.762
411	1. Vốn góp của Nhà đầu tư		58.384.145.200	52.319.102.300
412	1.1 Vốn góp phát hành		313.844.795.100	297.787.618.700
413	1.2 Vốn góp mua lại		(255.460.649.900)	(245.468.516.400)
414	2. Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư		(6.378.893.046)	(8.498.633.022)
420	3. Lợi nhuận chưa phân phối	9	30.460.301.439	26.708.116.484
430	IV. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ MỞ TRÊN 1 ĐƠN VỊ CHỨNG CHỈ QUỸ		14.124,64	13.480,46
440	V. LỢI NHUẬN ĐÃ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ		-	-

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2024	01/01/2024
004	1. Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành		5.838.414,52	5.231.910,23



Đỗ Thị Kim Cúc
Người lập



Đỗ Thị Kim Cúc
PP. Phụ trách phòng
TCKT





Trần Quang Vinh
Giám đốc


Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2024

BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG, GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

STT	CHỈ TIÊU	Từ ngày 01/01/2024	Từ ngày 01/01/2023
		đến ngày 30/06/2024	đến ngày 30/06/2023
		VND	VND
I.	Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở (NAV) đầu kỳ	70.528.585.762	113.277.097.497
II.	Thay đổi NAV trong kỳ	3.752.184.955	3.669.462.612
Trong đó:			
II.1	Thay đổi NAV do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của Quỹ mở trong kỳ	3.752.184.955	3.669.462.612
III.	Thay đổi NAV do mua lại, phát hành thêm chứng chỉ quỹ (III=III.1-III.2)	8.184.782.876	(34.150.152.758)
III.1	Khoản thu từ việc phát hành bổ sung Chứng chỉ quỹ	21.927.088.535	10.538.787.718
III.2	Khoản thanh toán từ việc mua lại Chứng chỉ quỹ	(13.742.305.659)	(44.688.940.476)
IV.	Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở cuối kỳ (IV= I+II+III)	82.465.553.593	82.796.407.351


Đỗ Thị Kim Cúc
Người lập


Đỗ Thị Kim Cúc
PP. Phụ trách phòng TCKT




Trần Quang Vinh
Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2024

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU PVCOM

Tầng 9, Tòa nhà Hapro, Số 11B, Cát Linh,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

STT	Loại	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 30/06/2024 (VND)	Tổng giá trị (VND)	Tỷ lệ trên Tổng giá trị tài sản hiện tại của Quỹ (%)
I. Cổ phiếu niêm yết					
1	Ngân hàng TMCP Quân đội - MBB	13	22.200,00	288.600	0,00%
	Tổng cộng	13		288.600	0,00%
II. Trái phiếu					
II.1 Trái phiếu niêm yết					
1	Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam - BAF123020	452.657		52.017.840.826	62,76%
		100.000	101.841,40	10.184.140.349	12,29%
2	Công ty Cổ phần Xây dựng Coteccons - CTD122015	5	1.007.863.258,60	5.039.316.293	6,08%
3	Công ty Cổ phần Glexhomes - GLH121026	90.000	100.953,62	9.085.825.479	10,96%
4	Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan - MSN123009	130.000	110.735,63	14.395.631.977	17,37%
5	Công ty Cổ phần ROX Key Holdings - TN1122016	50.000	100.000,16	5.000.008.219	6,03%
6	Công ty Cổ phần Vinhomes - VHM121025	82.652	100.577,34	8.312.918.509	10,03%
II.2 Trái phiếu chưa niêm yết					
	Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa - SBTH2427001	50		5.000.000.016	6,03%
		50	100.000.000,32	5.000.000.016	6,03%
	Tổng cộng	452.707		57.017.840.842	68,80%
III. Các tài sản khác					
	1. Dự thu lãi trái phiếu			1.762.646.167	2,13%
	2. Dự thu lãi chứng chỉ tiền			1.301.917.808	1,57%
	Tổng cộng			3.064.563.975	3,70%
III. Tiền					
	1. Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ			12.662.302.487	15,28%
	2. Tiền gửi của nhà đầu tư cho hoạt động mua chứng chỉ quỹ			135.172.823	0,16%
	3. Chứng chỉ tiền gửi			10.000.000.000	12,07%
	Tổng cộng			22.797.475.310	27,51%
IV. Tổng giá trị danh mục					
				82.880.168.727	100,00%

Đấu

Đấu



Đỗ Thị Kim Cúc

Đỗ Thị Kim Cúc

Trần Quang Vinh

Người lập

PP. Phụ trách phòng TCKT

Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2024

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU PVCOM

Tầng 9, Tòa nhà Hapro, Số 11B, Cát Linh,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ ngày	Từ ngày
			01/01/2024 đến ngày 30/06/2024	01/01/2023 đến ngày 30/06/2023
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
01	1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp		3.752.184.955	3.669.462.612
02	2. Điều chỉnh cho các khoản tăng giá trị tài sản ròng từ các hoạt động đầu tư		(139.072.759)	(140.202.553)
03	- (- Lãi) hoặc (+ lỗ) đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện		(139.072.759)	(140.202.553)
05	3. Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư trước thay đổi vốn lưu động		3.613.112.196	3.529.260.059
06	- (-) Tăng, (+) giảm các khoản đầu tư		(1.692.871.819)	33.592.067.169
07	- (-) Tăng, (+) giảm dự thu phải thu tiền lãi các khoản đầu tư		(354.471.921)	515.712.101
11	- (+) Tăng, (-) giảm phải trả các Đại lý phân phối Chứng chỉ quỹ		26.258.164	(215.334.676)
13	- (+) Tăng, (-) giảm Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		633.650	(31.089.738)
14	- (+) Tăng, (-) giảm phải trả cho Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ		(97.179.313)	(227.790.400)
15	- (+) Tăng, (-) giảm phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại Chứng chỉ quỹ		-	2.121.336
16	- (+) Tăng, (-) giảm phải trả, phải nộp khác		(38.098.244)	(54.150.664)
17	- (+) Tăng, (-) giảm Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ mở		(881.588.815)	108.139.510
19	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		575.793.898	37.218.934.697
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	1. Tiền thu từ phát hành Chứng chỉ quỹ		21.927.088.535	10.538.787.718
32	2. Tiền chi mua lại Chứng chỉ quỹ		(13.742.305.659)	(44.688.940.476)
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		8.184.782.876	(34.150.152.758)
51	Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:		4.036.898.536	11.380.078.151
52	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ mở		3.804.546.400	125.054.622
53	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ		232.352.136	255.023.529
54	- Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng		-	11.000.000.000
55	V. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ		12.797.475.310	14.448.860.090
56	Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:	3	12.797.475.310	14.448.860.090
57	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ mở		12.662.302.487	6.419.517.497
58	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ		135.172.823	29.342.593
59	- Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng		-	8.000.000.000
60	VI. CHÊNH LỆCH TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TRONG KỲ		8.760.576.774	3.068.781.939

Đấu

Đỗ Thị Kim Cúc

Người lập

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2024

Đấu

Đỗ Thị Kim Cúc

PP. Phụ trách phòng TCKT



Trần Quang Vinh

Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1.1 . Thông tin về Quỹ

Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVCOM được thành lập ngày 07 tháng 02 năm 2020 dưới hình thức Quỹ mở theo Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 29 tháng 11 năm 2019 và các văn bản pháp luật có liên quan. Quỹ được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký đại chúng số 41/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCK") cấp ngày 07 tháng 02 năm 2020. Theo đó, Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ tại: Tầng 9, Tòa nhà Hapro, Số 11B, Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào quỹ là 58.384.145.200 VND tương đương với 5.838.414,52 chứng chỉ quỹ.

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ được ban hành 07 tháng 02 năm 2020 và sửa đổi bổ sung lần cuối theo thông báo sửa đổi Điều lệ Quỹ số 164/QLQ - PTKD ngày 16 tháng 05 năm 2024.

1.2 . Mục tiêu đầu tư

Quỹ hướng tới mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận đồng thời bảo toàn vốn cho Nhà đầu tư thông qua việc đầu tư chủ yếu vào các trái phiếu doanh nghiệp, tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi của các tổ chức tín dụng và một phần vào các tài sản khác với mục đích phân tán rủi ro đầu tư và mang lại lợi nhuận dài hạn ổn định cho các nhà đầu tư. Trong trường hợp môi trường đầu tư tạm thời không phù hợp với các tài sản cố định nêu trên hoặc nhiều trường hợp khác biệt khác việc xem xét đầu tư sẽ do Đại hội Nhà đầu tư hoặc Ban đại diện Quỹ xem xét quyết định phù hợp với thẩm quyền được Quy định trong Điều lệ Quỹ và các quy định khác của pháp luật.

1.3 . Kỳ tính giá trị tài sản ròng

Ngày định giá

Ngày định giá là ngày xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ. Trong giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 15/05/2024, tần suất giao dịch của Quỹ là 02 lần/tuần vào ngày thứ Ba và thứ Năm hàng tuần. Kể từ ngày 16/05/2024, tần suất giao dịch của Quỹ là 03 lần/tuần vào ngày thứ Ba, thứ Tư và thứ Năm hàng tuần; đối với kỳ định giá hàng tháng, quý, năm, giá trị tài sản ròng của Quỹ được xác định vào ngày đầu tiên của tháng tiếp theo. Trong trường hợp ngày định giá rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ thì ngày định giá là ngày làm việc tiếp theo liền sau đó.

Xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ

Giá trị tài sản ròng của Quỹ phải được xác định định kỳ vào ngày giao dịch Chứng chỉ quỹ được quy định tại Điều lệ Quỹ và phải được công bố công khai theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Giá trị tài sản ròng cho mỗi Đơn vị quỹ bằng Giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số đơn vị Quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng là tổng giá trị của các tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ của Quỹ tại ngày gần nhất trước ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng cho mỗi đơn vị Quỹ được tính cho mỗi ngày giao dịch của Quỹ sẽ được làm tròn đến xuống hai (02) chữ số thập phân.

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU PVCOM

Tầng 9, Tòa nhà Hapro, Số 11B, Cát Linh,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

1.4 . Tần suất giao dịch chứng chỉ quỹ

Trong giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 15/05/2024, Nhà đầu tư có thể mua, bán, chuyển đổi chứng chỉ quỹ định kỳ vào ngày thứ Ba và thứ Năm hàng tuần ("ngày giao dịch"). Kể từ ngày 16/05/2024, Nhà đầu tư mua, bán, chuyển đổi chứng chỉ quỹ định kỳ vào ngày thứ Ba, thứ Tư và thứ Năm hàng tuần ("ngày giao dịch"). Trong trường hợp ngày giao dịch chứng chỉ quỹ định kỳ nêu trên trùng vào các ngày nghỉ lễ, kể cả ngày nghỉ bù, làm bù theo quy định của pháp luật thì ngày giao dịch đó sẽ được chuyển sang ngày làm việc kế tiếp hoặc ngày khác (nếu ngày kế tiếp vẫn là ngày nghỉ lễ) theo thông báo của Công ty Quản lý Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ sẽ thông báo về ngày giao dịch bù này trước ít nhất hai (02) tuần trên trang web của Công ty Quản lý Quỹ.

Việc tăng/giảm tần suất giao dịch sẽ được Công ty Quản lý Quỹ thông báo công khai tại bản cáo bạch, thông báo cho Ngân hàng Giám sát và công bố thông tin theo quy định của pháp luật. Việc tăng/giảm tần suất này sẽ được báo cáo Đại hội Nhà đầu tư gần nhất kế tiếp và cập nhật trong Điều lệ của Quỹ.

Việc tăng/giảm tần suất giao dịch sẽ được Đại hội Nhà đầu tư gần nhất thông qua và luôn đảm bảo tần suất giao dịch không được ít hơn hai (02) lần trong một (01) tháng.

1.5 . Hạn chế đầu tư

Thông tin về hạn chế đầu tư đã được trình bày đầy đủ tại Bản cáo bạch và Điều lệ hoạt động của Quỹ.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI QUỸ

2.1 . Kỳ kế toán sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Quỹ bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2.2 . Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.3 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ được lập theo chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với Quỹ mở được quy định tại Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với Quỹ mở, Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

Theo Thông tư 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ bao gồm:

1. Báo cáo thu nhập giữa niên độ
2. Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ
3. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ
4. Báo cáo danh mục đầu tư giữa niên độ
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ
6. Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Quỹ đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ khẳng định rằng báo cáo tài chính này tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở.

Hình thức kế toán áp dụng

Quỹ áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU PVCOM

Tầng 9, Tòa nhà Hapro, Số 11B, Cát Linh,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ, tiền gửi của Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ chờ phân bổ, tiền gửi phong tỏa và tiền gửi tại các tổ chức tín dụng có thời hạn đáo hạn không quá ba (3) tháng kể từ ngày gửi và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng, có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là mục đích khác.

2.5 . Các khoản đầu tư

Quỹ sẽ chủ yếu đầu tư vào trái phiếu Chính phủ Việt Nam, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu có bảo lãnh của Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp niêm yết và chuẩn bị niêm yết trong vòng 12 tháng (kể từ ngày giao dịch), trái phiếu doanh nghiệp có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành, giấy tờ có giá và các công cụ thu nhập cố định khác.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm chi phí mua và không bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được khoản đầu tư. Các chi phí phát sinh này được hạch toán vào báo cáo thu nhập.

Đối với khoản đầu tư vào trái phiếu và tiền gửi ngân hàng, phần lãi dự thu chưa được thanh toán tính đến ngày mua được ghi nhận, tách biệt khỏi giá gốc, trên khoản mục "dự thu cổ tức, lãi tiền gửi chưa đến ngày nhận" trên Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ.

Cổ phiếu thường và cổ tức chia bằng cổ phiếu được hạch toán vào các khoản đầu tư với giá trị bằng không (0) và được đánh giá lại theo giá trị của các cổ phiếu đó vào ngày lập báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ.

Ghi nhận tiếp theo

Các khoản đầu tư được ghi nhận trên khoản mục "Các khoản đầu tư" trên Báo cáo tình hình tài chính theo nguyên tắc sau:

- Chứng chỉ tiền gửi và tiền gửi có kỳ hạn trên 03 tháng được ghi nhận theo giá trị hợp lý;
- Chứng khoán niêm yết, chưa niêm yết và các tài sản khác được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản này.

Lợi nhuận thuần nhận được từ các khoản đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập giữa niên độ

Định giá lại cho mục đích xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ

Các khoản đầu tư được đánh giá lại vào các ngày định giá theo giá trị hợp lý. Các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại các khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập. Phương pháp đánh giá lại các khoản đầu tư được quy định trong sổ tay định giá được xây dựng phù hợp với phương pháp xác định giá trị tài sản quy định tại điều lệ Quỹ và thông tư 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 và được Ban đại diện Quỹ phê duyệt.

Nguyên tắc định giá

Các khoản đầu tư Quỹ hiện đang nắm giữ được định giá theo các nguyên tắc và phương pháp quy định tại Thông tư 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và Điều lệ, Bản cáo bạch và Sổ tay định giá của Quỹ.

Chấm dứt ghi nhận

Các khoản đầu tư chứng khoán được chấm dứt khi quyền được ghi nhận luồng tiền từ khoản đầu tư chứng khoán đó đã chấm dứt hoặc Quỹ đã không còn nắm giữ phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

Giá vốn của chứng khoán kinh doanh được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU PVCOM

Tầng 9, Tòa nhà Hapro, Số 11B, Cát Linh,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

2.6 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ hoạt động bán chứng khoán, lãi trái phiếu, lãi tiền gửi Ngân hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Quỹ dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí hoạt động của Quỹ trên báo cáo thu nhập.

2.7 . Các khoản phải trả

Các khoản phải trả được trình bày trên Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ theo giá gốc của các khoản phải trả cho hoạt động mua lại chứng chỉ quỹ, phải trả cho hoạt động kinh doanh chứng khoán, phải trả thù lao ban đại diện quỹ, phải trả cho Công ty Quản lý quỹ, ngân hàng giám sát và các khoản phải trả khác.

2.8 . Vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu

Các chứng chỉ quỹ với quyền hưởng cổ tức được phân loại thành vốn góp của Nhà đầu tư, trong đó bao gồm vốn góp phát hành và vốn góp mua lại.

Vốn góp phát hành

Vốn góp phát hành phản ánh nguồn vốn đầu tư của Quỹ do các nhà đầu tư góp vốn vào Quỹ theo phương thức mua chứng chỉ quỹ trong lần phát hành lần đầu ra công chúng và các lần giao dịch chứng chỉ quỹ sau khi quỹ thành lập.

Vốn góp phát hành được phản ánh theo mệnh giá.

Vốn góp mua lại

Vốn góp mua lại phản ánh tình hình mua lại chứng chỉ quỹ của các Nhà đầu tư tại các kỳ giao dịch chứng chỉ quỹ sau khi Quỹ thành lập.

Vốn góp mua lại được phản ánh theo mệnh giá.

Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư

Thặng dư vốn thể hiện chênh lệch giữa giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ và mệnh giá đối với các chứng chỉ quỹ được phát hành/ mua lại.

Thặng dư vốn bao gồm: Thặng dư vốn phát hành và thặng dư vốn mua lại

- Thặng dư vốn phát hành là chênh lệch giữa giá phát hành chứng chỉ quỹ và mệnh giá. Thặng dư vốn góp không phát sinh ở lần đầu phát hành chứng chỉ quỹ

- Thặng dư vốn mua lại là chênh lệch giữa giá đơn vị Quỹ mua lại và mệnh giá.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh lãi/lỗ chưa phân phối tại thời điểm báo cáo, bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện.

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng thu nhập, doanh thu, sau khi loại trừ phần chênh lệch tăng, giảm đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện với tổng các khoản chi phí của Quỹ lũy kế phát sinh trong kỳ.

Lợi nhuận chưa thực hiện là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ lũy kế phát sinh trong kỳ.

Cuối kỳ kế toán, Quỹ xác định lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện trong năm và ghi nhận vào "Lợi nhuận chưa phân phối".

Lợi nhuận phân phối cho Nhà Đầu tư

Quỹ ghi nhận lợi nhuận/ tài sản phân phối cho Nhà Đầu tư dựa trên Nghị quyết của Đại hội nhà Đầu tư, phù hợp với Điều lệ quỹ và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU PVCOM

Tầng 9, Tòa nhà Hapro, Số 11B, Cát Linh,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

2.9 . Giá trị tài sản ròng của Quỹ và giá đơn vị quỹ

Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ được xác định bằng tổng giá trị tài sản trừ đi tổng nợ phải trả của Quỹ. Tổng giá trị tài sản của Quỹ được xác định theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản của Quỹ (trong trường hợp không xác định được giá trị thị trường). Tổng nợ phải trả của Quỹ là các khoản nợ hoặc nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến ngày trước ngày định giá.

Phương pháp xác định giá thị trường, giá trị hợp lý các tài sản trong danh mục, giá trị các khoản nợ và nghĩa vụ thanh toán thực hiện theo nguyên tắc như nêu trên.

Giá trị đơn vị quỹ

Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ bằng giá trị tài sản ròng trên Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ của Quỹ chia cho tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ và được làm tròn xuống đến 02 số thập phân.

2.10 . Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế mà giá trị có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Tiền lãi (bao gồm lãi tiền gửi, lãi chứng chỉ tiền gửi và lãi trái phiếu)

Tiền lãi được ghi nhận là doanh thu trên cơ sở dồn tích có tính lãi đầu tư thực tế của tài sản trừ đi khả năng thu hồi tiền lãi là không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản cổ tức của Quỹ với tư cách là cổ đông được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu và các cổ phiếu thưởng nhận được không được ghi nhận là thu nhập của Quỹ mà chỉ cập nhật số lượng cổ phiếu theo đối ngoại bằng.

Lãi từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ các hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong Báo cáo thu nhập khi nhận được thông báo giao dịch từ các Công ty chứng khoán và Ngân hàng giám sát (đối với chứng khoán đã niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

2.11 . Các khoản chi phí

Các khoản chi phí được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Quỹ phát sinh một số chi phí chủ yếu bao gồm:

Giá dịch vụ quản lý trả cho Công ty Quản lý Quỹ

Giá dịch vụ quản lý là 0,7%/năm tính trên tổng giá trị Tài sản ròng của Quỹ vào ngày định giá, được ghi nhận vào chi phí của Quỹ vào ngày định giá, và được trả sau cho Công ty Quản lý Quỹ trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc tháng để thực hiện các dịch vụ quản lý quỹ đầu tư cho Quỹ. Giá dịch vụ quản lý được tính theo công thức như sau:

Giá dịch vụ quản lý = 0,7% * Giá trị Tài sản Ròng tại ngày định giá * Số ngày thực tế trong kỳ định giá/ Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366).

Trường hợp tăng Giá dịch vụ quản lý phải được Đại hội Nhà đầu tư thông qua. Trong mọi trường hợp, tổng số giá dịch vụ quản lý, giá dịch vụ quản trị quỹ và giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng không vượt quá mức tối đa 2%/năm theo quy định của pháp luật hiện hành.

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU PVCOM

Tầng 9, Tòa nhà Hapro, Số 11B, Cát Linh,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

Giá dịch vụ Ngân hàng Giám sát

Giá dịch vụ Ngân hàng Giám sát là 0,02%/năm trên Tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ với mức tối thiểu là 5.000.000 VNĐ (năm triệu đồng) một tháng. Giá dịch vụ Ngân hàng Giám sát được tính toán và cộng dồn hàng kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho Ngân hàng Giám sát. Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Giá dịch vụ Ngân hàng Giám sát = 0,02% * Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá * Số ngày thực tế trong kỳ định giá/ Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366)

Giá dịch vụ Lưu Ký

Giá dịch vụ lưu ký là 0,06%/năm trên Tổng giá trị tài sản ròng với mức tối thiểu là 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) một tháng. Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Giá dịch vụ lưu ký = 0,06% * Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá * Số ngày thực tế trong kỳ định giá/ Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366)

Giá dịch vụ lưu ký, chưa bao gồm giá dịch vụ xử lý giao dịch cho các giao dịch chứng khoán và giá dịch vụ trả cho Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ Chứng khoán Việt Nam (chi phí bên thứ ba).

Giá dịch vụ quản trị quỹ

Giá dịch vụ quản trị Quỹ là 0,03%/năm trên Giá trị tài sản ròng với mức tối thiểu là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) một tháng. Giá dịch vụ quản trị Quỹ được tính toán và cộng dồn hàng kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho bên cung cấp dịch vụ quản trị quỹ. Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Giá dịch vụ quản trị quỹ được tính theo công thức như sau:

Giá dịch vụ quản trị quỹ = 0,03% * Giá trị Tài sản Ròng tại ngày định giá * Số ngày thực tế trong kỳ định giá/ Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366).

Giá dịch vụ soạn thảo báo cáo tài chính sẽ là 5.875.000 VND/tháng (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) và áp dụng từ ngày quỹ bắt đầu giao dịch theo tuần suất hàng ngày.

Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng

STT	Loại phí	Mức giá dịch vụ (không bao gồm thuế GTGT)
1	Giá dịch vụ cố định hàng tháng	10.000.000 VND/tháng
2	Giá dịch vụ thực ực hiện quyền	
	- Lập danh sách thực hiện quyền	1.000.000 VND/lần lập danh sách
	- Phân phối cổ tức	Miễn phí

Phí kiểm toán

Phí kiểm toán phụ thuộc vào kết quả lựa chọn và thương lượng với công ty kiểm toán và sẽ được xác định hàng năm vào cuối năm tài chính của Quỹ

Chi phí khác

Chi phí khác được pháp luật cho phép

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU PVCOM

Tầng 9, Tòa nhà Hapro, Số 11B, Cát Linh,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

2.12 . Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ

Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính theo định nghĩa trong Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với Quỹ mở được trình bày trong thuyết minh tương ứng của báo cáo tài chính giữa niên độ này.

2.13 . Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với Quỹ mở không được thể hiện trong Báo cáo tài chính giữa niên độ thì được hiểu là có số dư bằng không.

2.14 . Thuế

Theo các quy định hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không phải trả thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, Quỹ có trách nhiệm khấu trừ thuế của các cá nhân và tổ chức tham gia trong các giao dịch sau:

Giao dịch trả cổ tức cho nhà đầu tư

Khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ quy định khấu trừ và nộp thuế theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013, Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân sửa đổi với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh; hướng dẫn thực hiện một số nội dung sửa đổi, bổ sung về thuế thu nhập cá nhân quy định tại luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về thuế; Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014; Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25 tháng 8 năm 2014; Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính; Công văn số 10945/BTC-TCT ngày 19 tháng 8 năm 2010 về chính sách thuế đối với việc chia cổ tức cho tổ chức đầu tư. Theo đó, khi Quỹ trả cổ tức cho các nhà đầu tư là tổ chức, không phân biệt tổ chức đầu tư trong nước hoặc nước ngoài, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% số cổ tức được chi trả (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối mà đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo quy định của pháp luật). Đồng thời, khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư là cá nhân, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập cá nhân bằng 5% số cổ tức chi trả.

Giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ

Công ty Quản lý Quỹ cũng có nghĩa vụ khấu trừ và nộp thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ cá nhân (trong nước và nước ngoài) và giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ những tổ chức được phân loại là tổ chức nước ngoài theo quy định về quản lý ngoại hối. Mức thuế áp dụng là thuế cho việc chuyển nhượng chứng khoán bằng 0,1% trên giá trị chuyển nhượng theo Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013, Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 8 năm 2014, Thông tư 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 và Thông tư 25/2018/TT-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2018 do Bộ Tài chính ban hành.

Công ty Quản lý Quỹ không giữ lại tiền thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ nhà đầu tư là tổ chức trong nước do đó tổ chức trong nước tự chịu trách nhiệm kê khai và nộp thuế đối với phần thu nhập phát sinh từ giao dịch mua lại này.

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU PVCOM

Tầng 9, Tòa nhà Hapro, Số 11B, Cát Linh,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

2.15 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Quỹ bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Quỹ hoặc chịu sự kiểm soát của Quỹ, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Quỹ, bao gồm cả công ty quản lý quỹ và các quỹ đầu tư khác dưới sự quản lý của công ty quản lý quỹ;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Quỹ mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Quỹ, những nhân sự quản lý chủ chốt của Quỹ, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ, Quỹ cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN GỬI NGÂN HÀNG VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/06/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	VND	VND
Tiền gửi của nhà đầu tư cho hoạt động mua chứng chỉ quỹ/mua lại chứng chỉ quỹ	135.172.823	232.352.136
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ mở	12.662.302.487	3.804.546.400
	<u><u>12.797.475.310</u></u>	<u><u>4.036.898.536</u></u>

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU PVCOM

Tầng 9, Tòa nhà Hapro, Số 11B, Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ THUẦN:

	Giá mua VND	Giá thị trường hoặc giá trị hợp lý cuối kỳ VND	Chênh lệch đánh giá lại		Giá trị đánh giá lại VND
			Chênh lệch đánh giá tăng VND	Chênh lệch đánh giá giảm VND	
Tại ngày 30/06/2024					
I. Cổ phiếu niêm yết	194.855	288.600	93.745	-	288.600
1 MBB	194.855	288.600	93.745	-	288.600
II. Trái phiếu	56.136.099.752	57.017.840.842	1.016.533.048	(134.791.958)	57.017.840.842
II.1 Trái phiếu niêm yết	51.136.099.736	52.017.840.826	1.016.533.048	(134.791.958)	52.017.840.826
1 Trái phiếu doanh nghiệp - BAF123020 ⁽¹⁾	9.361.277.534	10.184.140.349	822.862.815	-	10.184.140.349
2 Trái phiếu doanh nghiệp - CTD122015 ⁽²⁾	5.011.946.630	5.039.316.293	27.369.663	-	5.039.316.293
3 Trái phiếu doanh nghiệp - GLH121026 ⁽³⁾	9.165.816.062	9.085.825.479	-	(79.990.583)	9.085.825.479
4 Trái phiếu doanh nghiệp - MSN123009 ⁽⁴⁾	14.395.631.977	14.395.631.977	-	-	14.395.631.977
5 Trái phiếu doanh nghiệp - TN1122016 ⁽⁵⁾	5.054.809.594	5.000.008.219	-	(54.801.375)	5.000.008.219
6 Trái phiếu doanh nghiệp - VHM121025 ⁽⁶⁾	8.146.617.939	8.312.918.509	166.300.570	-	8.312.918.509
II.2 Trái phiếu chưa niêm yết	5.000.000.016	5.000.000.016	-	-	5.000.000.016
1 Trái phiếu doanh nghiệp - SBTH2427001 ⁽⁷⁾	5.000.000.016	5.000.000.016	-	-	5.000.000.016
III. Đầu tư ngắn hạn khác	10.000.000.000	10.000.000.000	-	-	10.000.000.000
1 Chứng chỉ tiền gửi - SHBFC010623	10.000.000.000	10.000.000.000	-	-	10.000.000.000
	66.136.294.607	67.018.129.442	1.016.626.793	(134.791.958)	67.018.129.442

Thông tin về các khoản đầu tư thuần tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2024 như sau:

- (1) - Trái phiếu niêm yết do Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam phát hành có kỳ hạn 03 năm, trả lãi 06 tháng/lần
- (2) - Trái phiếu niêm yết do Công ty Cổ phần Xây dựng Coteccons phát hành có kỳ hạn 03 năm, trả lãi 06 tháng/lần
- (3) - Trái phiếu niêm yết do Công ty Cổ phần Glexhomes phát hành có kỳ hạn 03 năm, trả lãi 06 tháng/lần
- (4) - Trái phiếu niêm yết do Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan phát hành có kỳ hạn 05 năm, trả lãi 06 tháng/lần
- (5) - Trái phiếu niêm yết do Công ty Cổ phần ROX Key Holdings phát hành có kỳ hạn 03 năm, trả lãi 06 tháng/lần
- (6) - Trái phiếu niêm yết do Công ty cổ phần Vinhomes phát hành có kỳ hạn 05 năm, trả lãi 06 tháng/lần
- (7) - Trái phiếu chưa niêm yết do Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa phát hành có kỳ hạn 03 năm, trả lãi 06 tháng/lần.

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU PVCOM

Tầng 9, Tòa nhà Hapro, Số 11B, Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ THUẦN

	Giá mua	Giá thị trường hoặc giá trị hợp lý cuối kỳ	Chênh lệch đánh giá lại		Giá trị đánh giá lại
			Chênh lệch đánh giá tăng	Chênh lệch đánh giá giảm	
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2024					
I. Cổ phiếu niêm yết	194.855	242.450	47.595	-	242.450
1 MBB	194.855	242.450	47.595	-	242.450
II. Trái phiếu niêm yết	41.943.227.933	42.685.942.414	805.733.835	(63.019.354)	42.685.942.414
1 Trái phiếu doanh nghiệp - CTD122015	5.011.946.630	5.011.946.630	-	-	5.011.946.630
2 Trái phiếu doanh nghiệp - BAF123020	5.736.181.644	5.998.859.178	262.677.534	-	5.998.859.178
3 Trái phiếu doanh nghiệp - CVT122007	8.827.856.064	8.837.221.247	9.365.183	-	8.837.221.247
4 Trái phiếu doanh nghiệp - GLH121026	9.165.816.062	9.527.492.547	361.676.485	-	9.527.492.547
5 Trái phiếu doanh nghiệp - TN1122016	5.054.809.594	4.991.790.240	-	(63.019.354)	4.991.790.240
6 Trái phiếu doanh nghiệp - VHM121025	8.146.617.939	8.318.632.572	172.014.633	-	8.318.632.572
III. Đầu tư ngắn hạn khác	22.500.000.000	22.500.000.000	-	-	22.500.000.000
1 Chứng chi tiền gửi - CCTG/FECREDIT5	7.000.000.000	7.000.000.000	-	-	7.000.000.000
2 Chứng chi tiền gửi - CCTG/FECREDIT6	5.500.000.000	5.500.000.000	-	-	5.500.000.000
3 Chứng chi tiền gửi - SHBFC010623	10.000.000.000	10.000.000.000	-	-	10.000.000.000
	64.443.422.788	65.186.184.864	805.781.430	(63.019.354)	65.186.184.864

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU PVCOM

Tầng 9, Tòa nhà Hapro, Số 11B, Cát Linh,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Dự thu tiền lãi - Trái phiếu niêm yết phát sinh trong kỳ	1.530.591.371	1.286.989.314
Dự thu tiền lãi - Trái phiếu chưa niêm yết phát sinh trong kỳ	232.054.796	-
Dự thu lãi tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi, giấy tờ có giá	1.301.917.808	1.423.102.740
	3.064.563.975	2.710.092.054

6 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Thuế Thu nhập cá nhân	9.903.853	9.270.203
	9.903.853	9.270.203

Quyết toán thuế của Quỹ sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

7 . PHẢI TRẢ DỊCH VỤ QUẢN LÝ QUỸ MỞ

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Phải trả phí dịch vụ quản lý Quỹ mở	141.830.571	615.066.532
Phải trả phí dịch vụ lưu ký tài sản	15.080.771	181.433.625
Phải trả phí dịch vụ giám sát	5.500.000	66.000.000
Phải trả phí dịch vụ quản trị Quỹ	16.500.000	198.000.000
Phải trả phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng	11.000.000	11.000.000
	189.911.342	1.071.500.157

8 . TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Biến động vốn góp trong kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 như sau:

	Đơn vị	01/01/2024 VND	Phát sinh trong kỳ VND	30/06/2024 VND
Vốn góp phát hành				
Số lượng (chứng chỉ quỹ)	CCQ	29.778.761,87	1.605.717,64	31.384.479,51
Giá trị tài sản ròng bình quân	VND	11.297,92	13.655,63	11.418,55
Giá trị ghi theo mệnh giá	VND	297.787.618.700	16.057.176.400	313.844.795.100
Thặng dư vốn	VND	38.650.425.270	5.869.912.135	44.520.337.405
Tổng giá trị phát hành chứng chỉ quỹ	VND	336.438.043.970	21.927.088.535	358.365.132.505
Vốn góp mua lại				
Số lượng (chứng chỉ quỹ)	CCQ	(24.546.851,64)	(999.213,35)	(25.546.064,99)
Giá trị tài sản ròng bình quân	VND	11.920,78	13.753,12	11.992,45
Giá trị ghi theo mệnh giá	VND	(245.468.516.400)	(9.992.133.500)	(255.460.649.900)
Thặng dư vốn	VND	(47.149.058.292)	(3.750.172.159)	(50.899.230.451)
Tổng giá trị mua lại chứng chỉ quỹ	VND	(292.617.574.692)	(13.742.305.659)	(306.359.880.351)
Số lượng chứng chỉ quỹ hiện hành	CCQ	5.231.910,23	606.504,29	5.838.414,52
Giá trị vốn góp hiện hành	VND	43.820.469.278	8.184.782.876	52.005.252.154
Lợi nhuận chưa phân phối	VND	26.708.116.484	3.752.184.955	30.460.301.439
Giá trị tài sản ròng của Quỹ	VND	70.528.585.762		82.465.553.593
Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ	VND/ CCQ	13.480,46		14.124,64

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU PVCOM

Tầng 9, Tòa nhà Hapro, Số 11B, Cát Linh,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

Biến động vốn góp trong kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 như sau:

	Đơn vị	01/01/2023 VND	Phát sinh trong kỳ VND	30/06/2023 VND
Vốn góp phát hành				
Số lượng (chứng chỉ quỹ)	CCQ	28.379.359,65	840.222,96	29.219.582,61
Giá trị tài sản ròng bình quân	VND	11.224,65	12.542,85	11.262,55
Giá trị ghi theo mệnh giá	VND	283.793.596.500	8.402.229.600	292.195.826.100
Thặng dư vốn	VND	34.754.732.146	2.136.558.118	36.891.290.264
Tổng giá trị phát hành chứng chỉ quỹ	VND	318.548.328.646	10.538.787.718	329.087.116.364
Vốn góp mua lại				
Số lượng (chứng chỉ quỹ)	CCQ	(19.185.327,50)	(3.551.067,01)	(22.736.394,51)
Giá trị tài sản ròng bình quân	VND	11.691,49	12.584,65	11.830,99
Giá trị ghi theo mệnh giá	VND	(191.853.275.000)	(35.510.670.100)	(227.363.945.100)
Thặng dư vốn	VND	(32.451.814.924)	(9.178.270.376)	(41.630.085.300)
Tổng giá trị mua lại chứng chỉ quỹ	VND	(224.305.089.924)	(44.688.940.476)	(268.994.030.400)
Số lượng chứng chỉ quỹ hiện hành	CCQ	9.194.032,15	(2.710.844,05)	6.483.188,10
Giá trị vốn góp hiện hành	VND	94.243.238.722	(34.150.152.758)	60.093.085.964
Lợi nhuận chưa phân phối	VND	19.033.858.775	3.669.462.612	22.703.321.387
Giá trị tài sản ròng của Quỹ	VND	113.277.097.497		82.796.407.351
Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ	VND/ CCQ	12.320,72		12.770,94
9 . LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI				
			30/06/2024	01/01/2024
			VND	VND
Lợi nhuận chưa phân phối đầu kỳ			26.708.116.484	19.033.858.775
Lợi nhuận thuần trong kỳ			3.752.184.955	7.674.257.709
- Lợi nhuận đã thực hiện			3.613.112.196	6.750.444.819
- Lợi nhuận chưa thực hiện			139.072.759	923.812.890
			30.460.301.439	26.708.116.484
10 . TIỀN LÃI ĐƯỢC NHẬN				
			Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023
			VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng			10.327.127	98.481.868
Lãi từ cổ tức được nhận			6.500	6.000
Lãi chứng chỉ tiền gửi			970.212.328	156.958.905
Lãi trái phiếu			2.240.165.211	4.580.898.230
			3.220.711.166	4.836.345.003

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU PVCOM

Tầng 9, Tòa nhà Hapro, Số 11B, Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

11 LÃI, LỖ BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Tổng giá trị bán trong kỳ	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi/lỗ bán chứng khoán trong kỳ	Lãi/lỗ bán chứng khoán từ kỳ trước
	VND	VND	VND	VND
Trái phiếu niêm yết	3.400.000.000	2.260.830.215	1.139.169.785	(603.776.408)
Trái phiếu niêm yết đáo hạn	13.000.000.000	13.114.826.849	(114.826.849)	-
Chứng chỉ tiền gửi	13.591.397.260	13.591.397.260	-	(161.992)
	29.991.397.260	28.967.054.324	1.024.342.936	(603.938.400)

12 CHÊNH LỆCH TĂNG, GIẢM ĐÁNH GIÁ LẠI CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ CHƯA THỰC HIỆN

	Giá trị mua theo sổ kế toán	Giá trị hợp lý	Số dư chênh lệch theo đánh giá lại cuối kỳ	Số dư chênh lệch đánh giá lại đầu kỳ	Chênh lệch điều chỉnh sổ kế toán trong kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết	194.855	288.600	93.745	47.595	46.150
Trái phiếu	56.136.099.752	57.017.840.842	881.741.090	742.714.481	139.026.609
Chứng chỉ tiền gửi	10.000.000.000	10.000.000.000	-	-	-
	66.136.294.607	67.018.129.442	881.834.835	742.762.076	139.072.759

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU PVCOM

Tầng 9, Tòa nhà Hapro, Số 11B, Cát Linh,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

13 . CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỞ

	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023
	VND	VND
Phí quản lý quỹ mở	271.618.148	350.611.423
Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ mở	90.449.228	90.981.661
Phí dịch vụ giám sát	33.000.000	33.000.000
Phí dịch vụ quản trị quỹ mở	99.000.000	99.000.000
Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng	66.000.000	66.000.000
Chi phí kiểm toán	37.929.078	40.910.963
Chi phí hoạt động khác	6.200.498	6.285.323
	604.196.952	686.789.370

14 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Quỹ bao gồm:

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Tài sản tài chính				
Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	12.797.475.310	12.797.475.310	4.036.898.536	4.036.898.536
Các khoản đầu tư thuần	66.136.294.607	67.018.129.442	64.443.422.788	65.186.184.864
Các khoản phải thu	3.064.563.975	3.064.563.975	2.710.092.054	2.710.092.054
	81.998.333.892	82.880.168.727	71.190.413.378	71.933.175.454
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả chi phí về quản lý quỹ mở	226.636.702	226.636.702	1.081.967.353	1.081.967.353
Phải trả cho Nhà đầu tư về mua, mua lại Chứng chỉ quỹ	135.172.823	135.172.823	232.352.136	232.352.136
Chi phí phải trả và phải trả, phải nộp khác	42.901.756	42.901.756	81.000.000	81.000.000
	404.711.281	404.711.281	1.395.319.489	1.395.319.489

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ tài chính phải trả được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Quỹ bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Quỹ đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Công ty Quản lý Quỹ liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các dòng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Đối với các tài sản là tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi, rủi ro này là không có do giá trị và dòng tiền từ tài sản không bị thay đổi bởi các yếu tố thị trường.

Đối với trái phiếu có lãi suất cố định, mặc dù biến động của lãi suất thị trường có thể ảnh hưởng tới giá của trái phiếu tại từng thời điểm nhưng lại không tác động tới tổng dòng tiền của tài sản đến cuối năm do Quỹ không nắm giữ với mục đích chờ tăng giá mà chủ yếu là nắm giữ tới đáo hạn.

Đối với các tài sản là trái phiếu có lãi suất thả nổi theo biên độ, rủi ro thị trường (giá trái phiếu) là không đáng kể do biến động dòng tiền trong tương lai thường thay đổi song hành cùng với tỷ suất chiết khấu trái phiếu theo biến động của thị trường. Định hướng, chiến lược đầu tư cũng tập trung vào các tài sản có lãi suất thả nổi để giảm thiểu tối đa biến động của giá thị trường tới giá trị tài sản trong kỳ.

Rủi ro tiền tệ:

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá. Quỹ được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo và giao dịch chính của Quỹ là VND. Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái của Quỹ là không có do Quỹ không nắm giữ tài sản và nợ phải trả bằng ngoại tệ tại ngày 30 tháng 06 năm 2024.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Quỹ. Quỹ có các rủi ro tín dụng từ hoạt động đầu tư tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, chứng chỉ tiền gửi và trái phiếu doanh nghiệp).

Quỹ chủ yếu duy trì số dư tiền gửi và chứng chỉ tiền gửi tại các ngân hàng và tổ chức tín dụng có uy tín ở Việt Nam đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt. Các loại trái phiếu doanh nghiệp được Quỹ nắm giữ là trái phiếu của doanh nghiệp có uy tín tại Việt Nam, được nghiên cứu và phân tích kỹ lưỡng trước khi thực hiện đầu tư và được đa dạng hóa nhằm giảm thiểu rủi ro tối đa.

Bộ phận quản lý đầu tư theo dõi chặt chẽ tình hình tín dụng của các đối tác của Quỹ (ví dụ như môi giới, lưu ký, ngân hàng, tổ chức phát hành...) bằng cách xem xét tình hình tài chính, khả năng trả nợ của đối tác, báo cáo tài chính và thông tin đại chúng.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Quỹ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Quỹ chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Quỹ đầu tư chủ yếu trên thị trường chứng khoán và các công cụ tài chính có thanh khoản cao, trong điều kiện bình thường của thị trường, có thể dễ dàng chuyển đổi thành tiền mặt. Quỹ giám sát rủi ro thanh khoản thông qua phân tích thời gian ra/vào của các luồng tiền và việc duy trì một lượng tiền mặt, các khoản tương đương tiền đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Quỹ và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Quỹ cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Quỹ có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

15 . XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG

STT	Ngày tính NAV	NAV	Số lượng chứng chỉ quỹ tại ngày tính NAV	NAV/đơn vị quỹ tại ngày tính NAV	Tăng/ (giảm) NAV/đơn vị Quỹ
		VND	VND	VND	VND
	31/12/2023	70.528.585.762	5.231.910,23	13.480,46	0,00
1	01/01/2024	70.543.471.969	5.231.910,23	13.483,31	2,85
2	03/01/2024	70.756.199.450	5.240.361,09	13.502,16	18,85
3	08/01/2024	69.921.270.507	5.201.715,83	13.441,96	(60,20)
4	10/01/2024	70.537.654.237	5.229.625,16	13.488,08	46,12
5	15/01/2024	71.202.315.728	5.248.831,92	13.565,36	77,28
6	17/01/2024	71.201.547.052	5.281.064,74	13.482,42	(82,94)
7	22/01/2024	71.674.809.104	5.304.752,19	13.511,43	29,01
8	24/01/2024	72.725.671.633	5.387.912,87	13.497,93	(13,50)
9	29/01/2024	73.577.282.922	5.403.321,04	13.617,04	119,11
10	31/01/2024	73.130.096.555	5.396.758,63	13.550,74	(66,30)
11	05/02/2024	73.679.346.029	5.442.230,24	13.538,44	(12,30)
12	07/02/2024	74.371.185.965	5.475.659,96	13.582,14	43,70
13	14/02/2024	74.453.493.670	5.475.659,96	13.597,17	15,03
14	19/02/2024	74.367.744.765	5.490.889,00	13.543,84	(53,33)
15	21/02/2024	75.023.645.455	5.539.867,53	13.542,49	(1,35)
16	26/02/2024	75.277.395.290	5.547.935,28	13.568,54	26,05
17	28/02/2024	75.423.806.927	5.556.950,50	13.572,87	4,33
18	29/02/2024	75.563.949.787	5.566.038,40	13.575,89	3,02
19	04/03/2024	75.587.380.335	5.566.038,40	13.580,10	4,21
20	06/03/2024	76.352.642.367	5.620.123,81	13.585,58	5,48
21	11/03/2024	77.322.578.994	5.674.971,27	13.625,19	39,61
22	13/03/2024	77.690.687.091	5.698.474,15	13.633,59	8,40
23	18/03/2024	77.644.336.337	5.697.652,80	13.627,42	(6,17)
24	20/03/2024	77.011.433.619	5.690.626,35	13.533,03	(94,39)
25	25/03/2024	77.472.305.324	5.711.755,34	13.563,65	30,62
26	27/03/2024	79.284.451.708	5.838.331,59	13.579,98	16,33
27	31/03/2024	79.420.090.056	5.841.691,69	13.595,39	15,41
28	01/04/2024	79.411.287.934	5.841.691,69	13.593,88	(1,51)
29	03/04/2024	79.649.335.649	5.856.384,61	13.600,42	6,54
30	08/04/2024	80.251.368.704	5.871.629,54	13.667,64	67,22
31	10/04/2024	79.901.410.090	5.855.196,31	13.646,23	(21,41)
32	15/04/2024	80.172.820.481	5.855.849,24	13.691,06	44,83
33	17/04/2024	80.781.697.662	5.912.308,91	13.663,30	(27,76)
34	22/04/2024	84.927.890.599	5.912.308,91	14.364,58	701,28
35	24/04/2024	82.459.974.396	5.900.833,48	13.974,29	(390,29)
36	30/04/2024	88.259.166.306	5.841.492,42	15.109,00	1.134,71
37	01/05/2024	88.274.481.938	5.841.492,42	15.111,63	2,63
38	06/05/2024	80.314.528.694	5.831.229,12	13.773,17	(1.338,46)
39	08/05/2024	79.873.339.877	5.815.848,21	13.733,73	(39,44)
40	13/05/2024	75.890.131.051	5.830.149,34	13.016,84	(716,89)
41	15/05/2024	80.144.378.344	5.829.803,44	13.747,35	730,51

15 . XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG

STT	Ngày tính NAV	NAV	Số lượng chứng chỉ quỹ tại ngày tính NAV	NAV/đơn vị quỹ tại ngày tính NAV	Tăng/ (giảm) NAV/đơn vị Quỹ
		VND	VND	VND	VND
42	20/05/2024	80.382.062.408	5.854.306,19	13.730,41	(16,94)
43	22/05/2024	80.680.759.522	5.862.734,70	13.761,62	31,21
44	27/05/2024	81.723.146.537	5.850.647,74	13.968,22	206,60
45	29/05/2024	83.439.163.757	5.851.999,33	14.258,23	290,01
46	31/05/2024	80.554.554.525	5.852.996,50	13.762,95	(495,28)
47	03/06/2024	80.135.594.785	5.852.996,50	13.691,37	(71,58)
48	05/06/2024	80.789.108.177	5.840.364,75	13.832,88	141,51
49	10/06/2024	80.720.288.484	5.831.736,59	13.841,55	8,67
50	11/06/2024	80.271.745.918	5.814.058,26	13.806,49	(35,06)
51	12/06/2024	80.577.733.244	5.817.275,02	13.851,45	44,96
52	17/06/2024	81.964.465.111	5.810.329,82	14.106,68	255,23
53	18/06/2024	81.759.945.740	5.792.597,64	14.114,55	7,87
54	19/06/2024	81.747.050.380	5.792.138,56	14.113,44	(1,11)
55	24/06/2024	81.919.619.169	5.809.355,17	14.101,32	(12,12)
56	25/06/2024	82.192.764.660	5.824.021,43	14.112,71	11,39
57	26/06/2024	82.775.923.512	5.820.773,39	14.220,77	108,06
58	30/06/2024	82.465.553.593	5.838.414,52	14.124,64	(96,13)
Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ					78.020.553.342
Mức cao nhất trong kỳ					15.111,63
Mức thấp nhất trong kỳ					13.016,84
Biến động Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ - mức cao nhất					1338,46
Biến động Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ - mức thấp nhất					1,11

18
CÔNG
CỐ P
QUẢ
NGI
IG M
AIC
TĐ
ĐA

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU PVCOMTầng 9, Tòa nhà Hapro, Số 11B, Cát Linh,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

16 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

17 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan có phát sinh giao dịch với Quỹ như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Các thành viên Ban đại diện Quỹ	Ban đại diện Quỹ
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đại Chúng Việt Nam	Công ty Quản lý Quỹ đầu tư
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành	Ngân hàng giám sát

Quỹ có các giao dịch phát sinh trong kỳ và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023
	VND	VND
Phí dịch vụ quản lý, lưu ký, giám sát và quản trị Quỹ	493.618.148	572.611.423
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đại Chúng Việt Nam	271.618.148	350.611.423
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành	222.000.000	222.000.000
Doanh thu lãi tiền gửi	10.327.127	98.481.868
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành	10.327.127	98.481.868

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ mở	178.830.570	1.059.066.531
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đại Chúng Việt Nam	141.830.570	615.066.531
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành	37.000.000	444.000.000

	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023
	VND	VND
Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:		
Thù lao Ban đại diện Quỹ (*)	-	-

(*) Thù lao của các thành viên Ban đại diện Quỹ do Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam thực hiện chi trả.

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với Quỹ.



QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU PVCOM

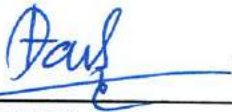
Tầng 9, Tòa nhà Hapro, Số 11B, Cát Linh,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

18 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, số liệu so sánh trên Báo cáo thu nhập giữa niên độ, Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 đã được Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội thực hiện kiểm toán và soát xét.



Đỗ Thị Kim Cúc

Người lập

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2024



Đỗ Thị Kim Cúc

PP. Phụ trách phòng TCKT



Trần Quang Vinh

Giám đốc

